

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2025/HS-PT

Ngày: 30 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Bà Nguyễn Ái Doan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 118/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo Thái Nhật T, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn P do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án sơ thẩm khu vực 2-Đồng Tháp).

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Thái Nhật T (tên gọi khác: T1), sinh ngày 07/5/1997; tại huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Tổ B, khu phố F, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã V, tỉnh Đồng Tháp); Căn cước công dân số 082097004139 ngày cấp: 26/3/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Thái Văn N (đã chết) và bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1976; Bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Hồng N1, sinh năm 1999, Bị cáo chưa có con.

Tiền án: 01 lần.

+ Bản án số 41/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 23/02/2023 tại Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh T; chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không có.

- Bị cáo bị bắt, tạm giữ trong trường hợp quả tang từ ngày 17/3/2024 đến ngày 21/3/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

02. Họ và tên: Nguyễn Thanh H (tên gọi khác: H1), sinh ngày 02/6/1994; tại thành phố G, tỉnh Tiền Giang. Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, thành phố Hồ Chí Minh); Căn cước công dân số 082094004169, cấp ngày 06 tháng 10 năm 2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1964 và Châu Thị M, sinh năm 1969; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không có.

- Bị cáo bị bắt, tạm giữ trong trường hợp quả tang từ ngày 17/3/2024 đến ngày 21/3/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

- *Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Thị U , thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (nay là tỉnh Đồng Tháp).*

03. Họ và tên: Huỳnh Tuấn P (tên gọi khác: T2), sinh ngày 18/7/1992, tại thành phố G, tỉnh Tiền Giang. Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp C, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là Phường B, tỉnh Đồng Tháp); Căn cước công dân số 082092008375, cấp ngày 02 tháng 7 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1950 và bà Võ Thị G, sinh năm 1950; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không có.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/3/2024 đến ngày 21/3/2024 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

- *Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Thị U , thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (nay là tỉnh Đồng Tháp)*

Ngoài ra trong vụ án còn có 6 bị cáo và 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 40 phút ngày 17 tháng 3 năm 2024, Công an thị xã G (nay là Công an thành phố G) phối hợp cùng Công an xã B, thành phố G tiến hành kiểm tra hành chính căn nhà của ông Cao Văn N3. Kết quả kiểm tra phát hiện tại đây có nhiều người đang tụ tập đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền, nên lực lượng Công an tiến hành khống chế, lập biên bản phạm tội quả tang đối với những người có mặt tại sới bạc gồm: Nguyễn Thanh H, Lê Minh T3, Thái Nhật T, Cao Thị T4 và Phạm Thị H2 cùng một số người có mặt nhưng đã chạy thoát. Lực lượng Công an ghi nhận, tạm giữ tại hiện trường các vật chứng, đồ vật liên quan gồm:

- Thu giữ tại chiếu bạc:

- + Số tiền 15.750.000 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng và 01 (một) điện thoại di động.

- + 01 (một) cái chăn (mền) màu xám - đen, có sọc màu vàng, kích thước (2x1,6) mét;

- + 13 (mười ba) bộ bài tây chưa qua sử dụng;

- + 06 (sáu) bộ bài tây đã qua sử dụng.

- Tạm giữ trong người các đối tượng: Số tiền 61.050.000 (sáu mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng và 08 (tám) điện thoại di động các loại.

- Tạm giữ phía trước nhà nơi đánh bạc: 08 (tám) xe mô tô các loại.

Kết quả điều tra xác định Lê Minh T3 là người đứng ra tổ chức đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính thông qua việc thu tiền xâu từ những con bạc tham gia đánh bạc.

Hình thức đánh bạc là chơi bài cào 03 lá tính điểm (nút), mỗi người được chia 03 lá bài, bài của người nào có số nút cao hơn thì thắng. Cách tính điểm từ 01 đến 09 điểm là số nút thực tế trên mỗi lá bài; 03 lá bài J (bò), Q (đám), K (già) thì coi như thắng luôn ván; 10 nút thì xem như không có điểm (gọi là bù); lá bài A (ách) thì tính 01 điểm. Theo thỏa thuận, mỗi ván bài đặt cược thấp nhất 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, mỗi người chơi được làm cái 02 lần (01 cặp cái). Khi người chơi đặt tiền cược xong, người làm cái sẽ chia đủ 03 lá bài, sau đó xét điểm: Nếu số điểm của người làm cái nhỏ hơn người chơi thì cái thua, người chơi bạc thắng với số tiền tương ứng đã đặt cược; nếu số điểm của người làm cái lớn hơn người chơi bạc thì người chơi bạc thua với số tiền đã bỏ ra đặt cược.

Vào khoảng tháng 03 năm 2024, T3 đến gặp Phạm Thị H2 để hỏi mượn nhà H2 làm nơi tổ chức đánh bạc thì H2 đồng ý. Cao Thị T4 là con gái ruột của H2 giúp sức trong việc chuẩn bị chăn trải để làm chiếu bạc, các bộ bài tây, nước uống để sẵn trong tủ lạnh trước khi sới bạc diễn ra. Sau mỗi ngày có tổ chức đánh bạc tại nhà của H2, T3 trả cho H2 hoặc T4 số tiền từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng. Tính đến ngày bị phát hiện, H2 và T4 đã cho T3 mượn nhà 06 lần (không nhớ chính xác những ngày trước khi bị phát hiện) để tổ chức đánh bạc;

trong đó, H2 và T4 đã 05 lần nhận tiền từ việc cho mượn địa điểm đánh bạc, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

Vào khoảng 21 giờ ngày 16/3/2024, T3 kêu T4 chuẩn bị sẵn chân, bài tây, nước uống để tổ chức sới bạc. Khi sới bạc diễn ra, T3 quy định mỗi cặp cái thắng sẽ đưa cho T3 số tiền 50.000 đồng; T3 trực tiếp quan sát và thu tiền xâu được một lúc thì ra vông nằm, T3 nói lại với người chơi nếu thắng thì bỏ tiền xâu vào cái hộp giấy do T3 chuẩn bị sẵn tại chiếu bạc. Các con bạc chơi đến khoảng 01 giờ 40 phút ngày 17/3/2024 thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện quả tang.

Kết quả điều tra đối với những người tham gia đánh bạc cụ thể như sau:

- *Tụ bài của Thái Nhật T:*

Khi đến sới bạc, T mang theo số tiền 49.350.000.000 (bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng, lấy ra 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để đánh bạc, tiền đánh bạc được để ngay trước vị trí ngồi của T trên chiếu bạc; đến khi bị phát hiện thì T thua còn lại 10.000.000 (mười triệu) đồng, bị thu giữ chung với số tiền trên chiếu bạc; còn lại số tiền 34.350.000 (ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng thì T cất riêng trong người không lấy ra do đây là tiền dùng vào việc mua bán, không dùng vào việc đánh bạc.

- *Tụ bài của Nguyễn Thanh H:*

Khi đến sới bạc, H mang theo số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng, lấy ra 4.000.000 (bốn triệu) đồng để đánh bạc, tiền đánh bạc được để ngay trước vị trí ngồi của H trên chiếu bạc; đến khi bị phát hiện thì H thua còn lại 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng, bị thu giữ chung với số tiền trên chiếu bạc; còn lại số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng thì H cất riêng trong người không lấy ra do đây là tiền dùng vào việc chữa bệnh cho người thân, không dùng vào việc đánh bạc.

- *Tụ bài của Phạm Anh T5:*

Khi đến sới bạc, T5 mang theo số tiền 7.800.000 (bảy triệu tám trăm nghìn) đồng rồi dùng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, tiền đánh bạc được để ngay trước vị trí ngồi của T5 trên chiếu bạc; đến khi bị phát hiện thì H thua còn lại 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng, bị thu giữ chung với số tiền trên chiếu bạc.

- *Tụ bài của Huỳnh Tuấn P:*

Khi đến sới bạc, P mang theo số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng rồi dùng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, tiền đánh bạc được để ngay trước vị trí ngồi của P trên chiếu bạc; P không xác định được là đến khi bị phát hiện thì đã thắng hay thua, mà khi thấy lực lượng Công an đến thì P gom tiền trên chiếu bạc phía trước chỗ ngồi rồi vùng bỏ chạy; theo lời khai của P thì P đã làm rơi hết số tiền gom đi trong lúc bỏ chạy.

- *Trần Văn N4 (kế tụ):*

Khi đến sỏi bạc, N4 mang theo số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng để tham gia đánh bạc, đặt ké vào tụ bài của Huỳnh Tuấn P và Thái Nhật T khi tụ của P, T tới lượt làm cái. Núi ké mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, đến khi thua hết tiền thì không chơi tiếp nữa mà ngồi xem đánh bạc cho đến khi lực lượng Công an đến bắt quả tang.

- *Nguyễn Thanh A (ké tụ):*

Khi đến sỏi bạc, A mang theo số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng để tham gia đánh bạc, đặt ké vào tụ bài của Huỳnh Tuấn P. A ké đến khi thua hết tiền thì không chơi tiếp nữa mà ra văng gần đó nằm, khi lực lượng Công an đến thì A bỏ chạy.

Trên cơ sở chứng cứ là lời khai của các bị can, kết quả đối chất, đối chiếu xác định số tiền dùng đánh bạc từ khi bắt đầu cho đến khi bị phát hiện (từ tối ngày 16/3/2024 đến rạng sáng ngày 17/3/2024) như sau: 15.000.000 (T) + 4.000.000 (H) + 7.800.000 (T5) + 7.000.000 (P) + 1.000.000 (Núi) + 500.000 (A), tổng cộng là 35.300.000 (ba mươi lăm triệu ba trăm nghìn) đồng.

Tuy nhiên, với số tiền thực tế trên chiếu bạc tại thời điểm phát hiện quả tang là 15.750.000 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Đồng thời, khi thấy lực lượng Công an đến thì Huỳnh Tuấn P đã gom tiền trên chiếu bạc bỏ chạy mà không xác định được số tiền đã gom đi là bao nhiêu, số tiền này không tìm thấy trong quá trình khám nghiệm hiện trường, bị cáo P khai đã làm rơi hết tiền trên đường bỏ chạy nhưng không rõ vị trí rơi; ngoài lời khai thì không có chứng cứ nào khác. Nên với tài liệu, chứng cứ hiện tại thì chưa đủ cơ sở để chứng minh đối với số tiền dùng đánh bạc theo lời khai của các bị can; đủ cơ sở xác định số tiền đánh bạc thu tại chiếu bạc là 15.750.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKSGC ngày 20/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công đã truy tố các bị cáo: Thái Nhật T6, Trần Thanh H3, Phạm Anh T5, Huỳnh Tuấn P, Trần Văn N4, Phan Thanh A1, Lê Minh T3, Phạm Thị H2, Cao Thị T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang(nay là Tòa án sơ thẩm khu vực 2-Đồng Tháp) đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt

Tuyên bố:

Các bị cáo Thái Nhật T, Nguyễn Thanh T7, Nguyễn Anh T8, Huỳnh Tuấn P, Nguyễn Thanh A, Trần Văn N4, Lê Minh T3, Cao Thị T4, Phạm Thị H2 phạm tội “Đánh bạc”.

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Thái Nhật T 09 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/3/2024 đến ngày 21/3/2024.

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H 06 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/3/2024 đến ngày 21/3/2024.

3/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Tuấn P 06 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 19/3/2024 đến ngày 21/3/2024

Ngoài ra trong bản án còn hình phạt các bị cáo Phạm Anh T5, Lê Minh T3, Cao Thị T4, Phạm Thị H2, Trần Văn N4, Nguyễn Thanh A, xử lý vật chứng, quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/5/2025, bị cáo Thái Nhật T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án hình sự sơ thẩm nêu trên theo hướng giảm nhẹ hình phạt tù có thời hạn xuống án treo.

Ngày 07/5/2025, bị cáo Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho tôi và hòa nhập xã hội.

Ngày 09/5/2025, bị cáo Huỳnh Tuấn P có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Các bị cáo cùng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Luật sư bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Huỳnh Tuấn P và Nguyễn Thanh H trình bày lý lẽ bảo vệ cho bị cáo P và bị cáo H: Luật sư thống nhất với Đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt đã truy tố tội với bị cáo P, bị cáo H theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Tòa án sơ thẩm cũng đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tình tiết sau đây cho các bị cáo:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Chưa tiền án, tiền sự; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

- Cả hai bị cáo đều xuất thân từ gia đình nghèo, học vấn thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế;

- Hành vi phạm tội của 2 bị cáo là nhất thời phạm tội;

+ Bị cáo H có thời gian nhập ngũ; có cha là bộ đội phục viên, là người có công nên được tặng huân chương chiến công hạng Ba;

+ Bị cáo P học văn thấp nhất, có đầu thù với cơ quan có thẩm quyền; chấp hành tốt chủ trương tại địa phương ;

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm thay đổi hình phạt nhẹ hơn, cho các bị cáo H và P được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ y bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã xét xử, lời thừa nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 17/3/2024, bị cáo T3 tổ chức sỏi bạc được ăn thua bằng tiền trái phép dưới hình thức đánh bài cào 03 lá tại nhà bị cáo H2, bị cáo T4 đề các bị cáo Thái Nhật T, Nguyễn Thanh H, Phạm Anh T5, Huỳnh Tuấn P, Trần Văn N4 và Nguyễn Thanh A đánh bạc thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang với số tiền trên chiếu bạc là 15.750.000 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo **Thái Nhật T, Nguyễn Thanh H và Huỳnh Tuấn P** phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, các bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực và nhận thức được rằng hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là trái pháp luật, bị nghiêm cấm. Nhưng với bản chất háms lợi nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn xã hội và mất an ninh trật tự tại địa phương. Cho nên cần phải xử phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thái Nhật T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo T có 01 tiền án về tội hủy hoại tài sản, chấp hình xong hình phạt vào ngày 23/02/2023 chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, tình tiết tăng nặng theo qui định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất mức độ của hành vi mà bị

cáo thực hiện, xử phạt bị cáo T mức án 09 tháng tù là phù hợp. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo T xin hưởng án treo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Tấn P1. Hội đồng xét xử nhận thấy, tòa án sơ thẩm xác định bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Xét thấy, bị cáo P1 không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội, bị cáo có tự nguyện ra đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nhưng tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có xem xét tình tiết giảm nhẹ này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo P1.

[5] Đối với bị cáo Trần Thanh H3 cũng trực tiếp tham gia đánh bạc cùng với các con bạc với tổng số tiền bị quy kết tại chiếu bạc là 15.750.000đồng. Tòa án sơ thẩm xác định bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Bị cáo H3 dùng số tiền 4.000.000đồng để tham gia đánh bạc là có thấp hơn so với bị cáo P1. Ngoài ra quá trình kháng cáo bị cáo H3 có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ bản thân bị cáo là bộ đội xuất ngũ có cha ruột là người có công cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba, đây là các tính tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H3.

[6] Do bị cáo P1 và bị cáo H3 có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Cho nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo P1 và bị cáo H3 so với bản án sơ thẩm đã quyết định cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, phòng ngừa chung cho xã hội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo H3 và bị cáo P1.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ một phần đối với đề nghị giữ y mức hình phạt của bị cáo T nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Xét ý kiến bào chữa của luật sư Hội đồng xét xử nhận thấy: Các tình tiết giảm nhẹ Luật sư đưa ra để nghị Hội đồng xét xử xem xét là có căn cứ, được chấp nhận. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị cho cả 02 bị cáo được hưởng án treo là không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H3 và bị cáo P1.

[9] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo H3, bị cáo P1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 354, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Nhật T; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh H3, bị cáo Huỳnh Tuấn P; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang(nay là Tòa án sơ thẩm khu vực 2-Đồng Tháp) về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh H3 và bị cáo Huỳnh Tuấn P.

2. Tuyên bố Các bị cáo Thái Nhật T, Nguyễn Thanh T7, Nguyễn Anh T8, Huỳnh Tuấn P, Nguyễn Thanh A, Trần Văn N4, Lê Minh T3, Cao Thị T4, Phạm Thị H2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Thái Nhật T 09 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/3/2024 đến ngày 21/3/2024.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Tuấn P 05 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 19/3/2024 đến ngày 21/3/2024.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H 04 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 17/3/2024 đến ngày 21/3/2024.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Thái Nhật T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- TAND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Đạt